

Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào kế toán thực chất là việc áp dụng phần mềm kế toán, tức là áp dụng chương trình dùng để xử lý các công việc kế toán một cách tự động, từ khâu nhập chứng từ, tổng hợp số liệu, ghi sổ kế toán và kết xuất báo cáo. Công việc của kế toán do máy tính đảm nhiệm, còn công việc của những người làm kế toán là kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chứng từ, nhập chứng từ vào máy, kiểm tra tính chính xác của các chứng từ trong việc quản lý nghiệp vụ.

nêu một vài ý kiến xoay quanh việc tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng CNTT ở các DN Việt Nam.

Trước hết, cần xác định yêu cầu thông tin của các đối tượng

Khi tổ chức công tác kế toán, cần xác định yêu cầu thông tin của các đối tượng trong và ngoài DN. Các đối tượng bên ngoài DN cần đến các TTKT-TC trên các chỉ tiêu trong hệ thống báo cáo tài chính (BCTC). Các đối tượng trong DN, ngoài TTKT-TC, rất cần đến thông tin của kế toán quản trị (KTQT) theo mức độ và cấp độ quản lý

Thứ hai, xây dựng danh mục đối tượng kế toán

doanh nghiệp vào hệ thống kế toán.

Thứ ba, tổ chức thu thập dữ liệu đầu vào: là việc tổ chức thu thập ba nhóm nội dung dữ liệu: cho các ĐTQL, cho các ĐTKT, cho các hoạt động cần thiết trong quá trình SXKD.

Tổ chức dữ liệu cho các ĐTQL chi tiết liên quan đến nhiều loại hoạt động, thông thường là các hoạt động trong cùng chu trình. Cần theo dõi riêng các đối tượng này, tách biệt với các hoạt động để phản ánh cho nhiều loại hoạt động.

Thứ tư, cách thức mã hóa đối tượng

- Xác định các ĐTQL cần

Tổ chức công tác kế toán

trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin

▣ Ths. Nguyễn Đăng Huy*

Khi tổ chức công tác kế toán, cần xác định các đối tượng sử dụng thông tin kế toán (TTKT) trong và ngoài doanh nghiệp (DN). Đối với các đối tượng bên ngoài DN, thông tin cần cung cấp là thông tin tài chính theo luật định. Đối với các đối tượng sử dụng thông tin trong DN, cần phân cấp quản lý để xác định TTKT cần cung cấp để phục vụ cho việc ra quyết định.

Khi tổ chức công tác kế toán, việc phân tích và xác định nhu cầu thông tin do kế toán cung cấp và đó phải là thông tin đảm bảo sự chính xác, kịp thời, đầy đủ. Trong phạm vi bài viết, xin

Đối tượng kế toán (ĐTKT) được xác định trên cơ sở các yêu cầu thông tin mà kế toán phải cung cấp và cần lưu ý: Xây dựng theo mức độ từ tổng hợp đến chi tiết; Xác định các đối tượng quản lý (ĐTQL) có liên quan; Xây dựng hệ thống mã số cho các ĐTQL: Quá trình tổ chức dữ liệu đầu vào phụ thuộc rất nhiều vào quá trình đánh giá, nhận dạng các yêu cầu thông tin, yêu cầu quản lý. Do đó, quá trình tổ chức dữ liệu đầu vào cho hệ thống kế toán chính là việc xác định các nội dung dữ liệu, tổ chức thu thập và tổ chức ghi nhận các nội dung liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của

mã hóa; đối tượng cần quản lý chi tiết;

- Xác định các nội dung quản lý cần thu thập cho đối tượng mã hóa, căn cứ vào yêu cầu thông tin và yêu cầu quản lý đối với từng đối tượng chi tiết nhận dạng được trong giai đoạn phân tích hệ thống kế toán;

- Xác định nội dung thể hiện trên bộ mã, gồm nội dung mô tả và các nội dung quản lý của đối tượng;

- Lựa chọn phương pháp mã hóa phù hợp. Bộ mã của các ĐTQL thể hiện nhiều nội dung mô tả và quản lý, do đó, trong bộ mã sẽ có nhiều nhóm mã liên quan đến nhiều nội dung mã hóa.

* ĐH Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội

Phương pháp mã hóa thông thường được sử dụng trong trường hợp này là phương pháp mã hóa tổng hợp gồm nhiều phương pháp mã hóa bên trong bộ mã;

- Sử dụng mã gợi nhớ (gán các kí tự) tạo thành một nhóm mã ở vị trí đầu tiên, bên trái của bộ mã để mô tả cho loại đối tượng mã hóa. Ví dụ: bắt đầu bộ mã của khách hàng sẽ là KH, nhân viên BH sẽ là NVBH...

- Sử dụng mã gợi nhớ với các kí tự gợi nhớ có độ dài thống nhất để mô tả cho các nội dung quản lý có ít thành phần bên trong nội dung đó;

- Sử dụng mã số liên tiếp với các chữ số có độ dài thống nhất để mô tả cho các nội dung quản lý có nhiều thành phần bên trong nội dung đó;

- Sử dụng mã phân cấp để sắp xếp trình tự các nhóm mã liên quan đến các nội dung có quan hệ phân cấp từ cấp cao đến cấp thấp theo hướng trái sang phải của bộ mã;

- Xem xét tính lâu dài, ổn định của bộ mã trước khi thiết lập chính thức.

Tổng hợp nội dung tổ chức thu thập dữ liệu các ĐTQL chi tiết thông qua bảng 2.

Thứ năm, vận dụng hệ thống chứng từ kế toán

Nguyên tắc khi thiết kế quy trình lập và luân chuyển chứng từ là đảm bảo tính hữu hiệu và hiệu quả của quá trình xử lý, đáp ứng các yêu cầu kiểm soát nhằm đảm bảo tất cả dữ liệu đều được ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời. Quy trình lập, luân chuyển chứng từ cần được xây dựng dựa trên các chức năng của quá trình xử lý, không nên gắn chặt với một

Bảng 1: Mô tả nhu cầu thông tin kế toán

TT	Người sử dụng	Mục tiêu	Nội dung thông tin	Bộ phận cung cấp	Phạm vi sử dụng	
					Trong DN	Ngoài DN

Bảng 2: Mô tả các đối tượng mã hóa

Đối tượng chi tiết	Các nội dung mô tả	Các nội dung quản lý	Mã hóa

Bảng 3: Bảng mô tả dữ liệu và kiểm soát quá trình nhập liệu

STT	Tên dữ liệu nhập	Kiểm soát quá trình nhập liệu						

bộ phận hay một con người cụ thể nhằm đảm bảo tính linh hoạt cho hệ thống kế toán.

Khi tổ chức công tác kế toán với việc ứng dụng CNTT, thay cho việc ghi sổ thủ công là việc nhập liệu vào phần mềm kế toán. Do đó, sau khi xây dựng quy trình luân chuyển chứng từ, cần xác định các nội dung nhập liệu cần thiết vào phần mềm và các thủ tục kiểm soát quá trình nhập liệu liên quan (Bảng 3).

Trường hợp DN tham gia các hoạt động thương mại điện tử, khi tổ chức hệ thống chứng từ kế toán, cần xác định các chứng từ điện tử cần thiết và quy định các vấn đề có liên quan đến việc ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế từ những chứng từ này. Các chứng từ điện tử cần được lập theo đúng các quy định về chứng từ điện tử trong Nghị định 129/2004/NĐ-CP. Cơ sở để ghi nhận nghiệp vụ là chứng từ điện tử. Điều quan trọng ở đây là việc xác định thời điểm ghi nhận nghiệp vụ kế toán là thời điểm nào, khi giao dịch thương mại đã hoàn thành (khi chứng từ điện tử được tạo ra và được lưu giữ trên hệ thống) hay khi kế toán nhận được chứng từ

giấy từ giao dịch thương mại điện tử đó? Ví dụ: Một lệnh chuyển tiền thanh toán một khoản nợ phải trả thông qua hệ thống thanh toán điện tử của ngân hàng. Sau khi nhân viên kế toán nhập liệu, kế toán trưởng nhập mật mã thứ nhất để xác định tính hợp lệ của chuyển tiền, giám đốc DN nhập mật mã thứ hai để xác nhận và nghiệp vụ thanh toán được thực hiện. Một phần mềm kế toán có thể cập nhật dữ liệu của nghiệp vụ này mà không cần đến chứng từ bằng giấy.

Trong giao dịch thương mại điện tử này, nếu ghi nhận tại thời điểm hoàn tất nghiệp vụ thanh toán thì thông tin kế toán sẽ chính xác và trung thực, nhưng không có chứng từ bằng giấy làm cơ sở. Nếu đợi đến khi nhận được Giấy báo Nợ, sổ phụ hay bảng sao kê của ngân hàng mới ghi nhận thì không đảm bảo tính trung thực và kịp thời của TTKT. Thông thường, tại các DN có giao dịch chuyển tiền thanh toán trực tuyến, sổ phụ hay bảng sao kê của ngân hàng luôn được cập nhật thường xuyên và do DN có kết nối trực tiếp với ngân hàng nên khi nhân viên kế toán đăng

nhập, có thể xem và in sổ phụ hay bảng sao kê. Vì vậy, căn cứ vào thông tin trực tuyến của sổ phụ có thể ghi nhận và cập nhật nghiệp vụ. Việc in sổ phụ hàng ngày cũng có thể được thực hiện nhưng chỉ có ý nghĩa lưu trữ dữ liệu.

Thứ sáu, tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán

Căn cứ vào danh mục ĐTKT và ĐTQL chi tiết, căn cứ vào danh mục chứng từ kế toán đã được xây dựng, một vấn đề khác cần đặt ra là khi có các biến động của các ĐTKT và sau khi đã được hạch toán ban đầu trên các CTKT, các CTKT đó được ghi nhận vào các tài khoản kế toán (TKKT). Các TKKT được mở như thế nào để có thể đáp ứng các yêu cầu quản lý của DN. TKKT, như đã biết, là phương pháp kế toán dùng để phản ánh thường xuyên, liên tục và có hệ thống sự vận động của các ĐTKT, do đó, việc xây dựng TKKT phải phù hợp với đặc thù các ĐTKT mà DN đang quản lý. Khi xây dựng hệ thống TKKT cần căn cứ vào hệ thống TKKT thống nhất, mở thêm các TK cấp 2, cấp 3 có liên quan, quy định mối liên hệ giữa TK và các ĐTQL chi tiết hay mở TK chi tiết. Đồng thời, hướng dẫn phương pháp ghi chép, phương pháp tổng hợp số liệu, phương pháp kiểm tra đối chiếu,... từ khi bắt đầu ghi nhận nghiệp vụ cho đến khi tổng hợp- lập BCTC.

Cách thức xây dựng hệ thống TK sẽ được thực hiện thông qua các nội dung sau:

Một là, phân loại các nghiệp vụ kế toán ghi nhận theo từng chu trình kinh doanh.

Hai là, đối với mỗi nghiệp vụ, xác định các đối tượng kế toán liên quan.

Ba là, đối với mỗi ĐTKT trong từng nghiệp vụ, xác định các yêu cầu thông tin, yêu cầu quản lý liên quan đến đối tượng (tài khoản) đó.

Bốn là, tổng hợp các ĐTKT và yêu cầu thông tin, yêu cầu quản lý liên quan theo cho từng chu trình.

- Tổ chức HTTT đầu vào (chứng từ, luân chuyển chứng từ; nhập dữ liệu; xử lý số liệu thông tin và tạo lập ra hệ thống số liệu; vận dụng hệ thống TK để mô hình hóa);

- Tổ chức thông tin đầu ra (tổ chức vận dụng mẫu biểu báo cáo và lập báo cáo);

- Tổ chức việc phân tích báo cáo (tổng thể; tài chính; cơ cấu vốn; thanh toán; kết quả tài chính).

Thứ bảy, tổ chức vận dụng hình thức kế toán

Việc vận dụng các hình thức kế toán cần tuân thủ chế độ sổ kế toán và phải phù hợp với đặc điểm quản lý của DN. Khi tiến hành tổ chức kế toán trong điều kiện tin học hoá, sổ kế toán là các kết quả cuối cùng do phần mềm kế toán in ra, do đó, cần đáp ứng các yêu cầu về nội dung và hình thức của sổ kế toán theo quy định của chế độ kế toán. Hình thức kế toán được áp dụng trong trường hợp ứng dụng CNTT vào công tác kế toán là hình thức kế toán trên máy tính, được quy định trong quyết định 15/2006/QĐ-BTC. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ

sổ kế toán và BCTC theo quy định.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán có thể giúp cho DN giải quyết các khó khăn trong việc thu thập dữ liệu, xử lý và cung cấp thông tin do các ảnh hưởng của không gian, thời gian, vị trí địa lý, hay khối lượng nghiệp vụ, dữ liệu cần xử lý quá lớn. Do vậy, nếu một DN có điều kiện hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tốt (hệ thống mạng, máy chủ, hệ quản trị dữ liệu, khả năng kết nối, truy cập internet,...) thì hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung vẫn có thể được áp dụng cho dù DN đó có quy mô lớn, có nhiều đơn vị thành viên, khối lượng nghiệp vụ nhiều, địa bàn hoạt động rộng... DN chỉ phải giải quyết vấn đề là tìm một phần mềm kế toán phù hợp, có thể cho phép truy xuất, cập nhật dữ liệu trên nền các giao thức mạng, kiểm soát truy cập hệ thống tốt. Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán phân tán nếu điều đó cần thiết cho các đơn vị nội bộ trong quá trình hoạt động kinh doanh. Như vậy, chúng ta sẽ thấy rằng việc vận dụng hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, phân tán hay vừa tập trung vừa phân tán sẽ không còn lệ thuộc quá nhiều vào quy mô, địa bàn hoạt động, khối lượng nghiệp vụ kinh tế, trình độ nhân viên kế toán,... của đơn vị chính và của các đơn vị nội bộ, mà sẽ phụ thuộc vào khả năng và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin trong DN.

Thứ tám, tổ chức bộ máy kế toán

Tổ chức bộ máy kế toán (BMKT) là một trong những

công việc quan trọng. Do đặc thù xử lý của hệ thống kế toán máy tính và các hỗ trợ khác của tiến bộ công nghệ thông tin mà tổ chức BMKT trong điều kiện kế toán máy tính có những khác biệt rất cơ bản so với tổ chức BMKT trong điều kiện thủ công. Những khác biệt đó bắt nguồn từ khả năng cùng chia sẻ dữ liệu cho nhiều người, khả năng khắc phục những giới hạn về không gian, thời gian, vị trí địa lý, khả năng xử lý đồng thời khối lượng nghiệp vụ rất lớn, khả năng kiểm tra, xét duyệt, tổng hợp, phân tích trên hệ thống mạng,... Bên cạnh đó, công nghệ thông tin cũng ảnh hưởng đến việc tổ chức BMKT, đó là khả năng gian lận của nhân viên kế toán sẽ cao hơn, độ bảo mật, an toàn thông tin có thể bị ảnh hưởng nghiêm trọng do rất nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan. BMKT trong DN được tổ chức khoa học, hợp lý sẽ giúp hệ thống TTKT kế toán đáp ứng được các yêu cầu quản lý của DN trong việc ghi nhận, xử lý, cung cấp thông tin.

Khi tổ chức BMKT, cần quy định rõ ràng các mối quan hệ trong bộ phận kế toán trong việc chỉ đạo, kiểm tra, báo cáo; xây dựng các phân hành kế toán và quy định mối quan hệ giữa các phân hành kế toán trong quá trình xử lý dữ liệu và cung cấp thông tin. Việc xác định các phân hành kế toán phụ thuộc vào các chu trình nghiệp vụ, khối lượng dữ liệu,... Trong điều kiện tin học hoá, do nhiều công việc có thể được tập trung trong một chức năng nhập liệu và xử lý của phần mềm, nên cần quy định rõ chức năng của từng bộ phận,

từng phân hành kế toán trong việc truy cập và xử lý dữ liệu.

Như vậy, khi ứng dụng CNTT vào kế toán, công việc của những người làm kế toán sẽ bị thay đổi, năng suất lao động tăng lên, thông tin do kế toán cung cấp sẽ đảm bảo các yêu cầu của công tác quản lý. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, chế độ kế toán hiện hành, đặc điểm xử lý thông tin trên máy tính, các yêu cầu xử lý thông tin kế toán của các phần mềm, khi tổ chức lại công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin cần phải đạt các yêu cầu sau:

- Việc tổ chức công tác kế toán phải tuân thủ các quy định của chế độ kế toán hiện hành, nhưng phải căn cứ vào tính chất, yêu cầu, đặc thù tổ chức xử lý thông tin trên máy tính, khả năng của các phần mềm kế toán, từ đó, đề xuất các phương án thay đổi trong các công việc tổ chức kế toán;

- Tổ chức BMKT phải khoa học, gọn nhẹ, hiệu quả;

- Công tác kiểm tra số liệu phải được chú trọng, thực hiện thường xuyên, nghiêm túc. Vì số liệu kế toán được xử lý trực tiếp từ cùng một cơ sở dữ liệu, nếu có sai sót sẽ kéo theo sai sót của hàng loạt các thông tin kết quả trên các sổ và báo cáo;

- Số liệu kế toán cung cấp phải đảm bảo tính chính xác, trung thực, kịp thời, đầy đủ. Các sổ kế toán và các báo cáo kế toán do máy tính in ra phải đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ. Thông tin trên các sổ và các báo cáo được tổ chức theo hướng gọn nhẹ nhưng phải chứa đựng đầy đủ các thông tin cần thiết cho các quyết định quản lý.

- Việc quản lý, bảo quản các số liệu kế toán ngoài việc tuân thủ theo các quy định về lưu trữ tài liệu kế toán phải đảm bảo tính an toàn, tính bảo mật trong quá trình sử dụng, thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm toán khi cần thiết.

Việc ứng dụng CNTT vào công tác kế toán có nhiều ưu điểm, ta có thể làm việc với nhiều sổ kế toán cùng lúc, việc đối chiếu số liệu giữa các sổ sẽ đơn giản hơn, các số liệu đưa ra được phân tích kịp thời, chính xác và toàn diện, phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của toàn DN và đặc biệt là các chứng từ đưa vào sẽ được máy tính tự luân chuyển nhờ hệ thống các chương trình đã được xây dựng và cài đặt, đồng thời có menu chương trình để kế toán có thể lựa chọn luôn chương trình cần sử dụng ngay. Ứng dụng CNTT vào công tác kế toán, khối lượng công việc sẽ giảm bớt, tổ chức bộ máy kế toán sẽ tiết kiệm chi phí đảm bảo được tính chính xác của báo cáo kế toán. ■

Tài liệu tham khảo

1. Thiều Thị Tâm, Nguyễn Việt Hưng, Phan Đức Dũng. *Hệ thống thông tin kế toán*. Nhà xuất bản Thống kê, 2007
2. Đặng Nguyễn Godefroy. *L'entreprise numérique. Economica, Collection "Nouvelles Technologies de l'information et de la Communication"*, Paris, 2001
3. *Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện Tin học hóa*
4. *Các văn bản pháp quy khác của Nhà nước có liên quan*